

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2018.

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Vũ Quang Nguyên.

2- Bà: Vũ Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn T - Sinh năm 1986. (Có mặt)

HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1988. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang tập trung cải tạo tại: Trại số 3 - Đội 11 - Trại giam T - xã M - huyện T - thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Ngọc T - Sinh năm 1955. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn P - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 trú tại: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên là hai người cùng địa phương, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 19/11/2007. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị T về ngay gia đình anh làm ăn chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó chị T thường xuyên chơi bời không chịu tu trí làm ăn và không quan

tâm gì đến gia đình, mặc dù anh và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng đến khoảng tháng 12/2010 thì chị T bỏ gia đình anh về gia đình nhà bố mẹ đẻ làm ăn sinh sống, đến ngày 12/4/2016 thì chị T bị Công an huyện K, tỉnh Hưng Yên bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: Trại số 3 - Đội 11 - Trại giam T - xã M - huyện T - thành phố Hà Nội. Trong quá trình chị T đi chấp hành án anh có đến thăm nom chị T nhưng do thời gian vợ chồng đã sống ly thân và xa cách nhau quá lâu làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và không thể kéo dài thêm được nữa. Anh kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để anh sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh. Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn anh xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Giữa anh và chị T không có gì liên quan với nhau, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án do chị T đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên Tòa án không tiến hành triệu tập chị T có mặt tại Tòa án để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được. Ngày 16/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Kim Động ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số: 2776/QĐUT - TA gửi Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tiến hành xác minh lấy lời khai theo quy định của pháp luật đối với chị T. Ngày 02/02/2018 Tòa án nhân dân huyện Kim Động đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2018/QĐST-HNGĐ với lý do cần đợi kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội. Ngày 21/02/2018 Tòa án nhân dân huyện Kim Động nhận được kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội và cùng ngày Tòa án nhân dân huyện Kim Động đã ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 02/2018/QĐST-HNGĐ. Theo lời khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào năm 2007. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì chị bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù, hiện nay chị đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết chị cũng đồng ý để giải thoát cho anh T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị cũng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh T. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị nhất trí giao anh T được tiếp tục, trực tiếp

chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, khi nào chị chấp hành xong hình phạt tù thì chị xin được nuôi con chung.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Giữa chị và anh T không có gì liên quan với nhau, chị nhất trí tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết, xét xử theo yêu cầu triệu tập của Tòa án được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

* Ngày 18 tháng 10 năm 2017 Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Ngọc T là bố đẻ của chị T và là bố vợ của anh T để xác minh về quan hệ vợ chồng của anh, chị được ông T cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau như anh T khai là đúng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau do chị T chơi bời không chịu làm ăn, không nghe lời khuyên của gia đình nên đến ngày 12/4/2016 thì chị T bị Công an huyện K bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân huyện K xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. Khi ông đến thăm gặp chị T ở trại giam được chị T cho biết, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T có xảy ra mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt và khi anh T vào trại thăm gặp chị T anh T cũng thể hiện tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và bày tỏ nguyện vọng mong muốn được ly hôn với chị T và chị T cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị T cũng nhất trí ly hôn với anh T. Nay anh T có đơn xin ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T.

- Về con chung: Ông xác định trong quá trình anh T, chị T chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh T. Quan điểm của ông nếu vợ chồng ly hôn do hiện nay chị T đang đi chấp hành án, ông đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu H cho anh T được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Ông không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về ruộng canh tác: Giữa chị T và anh T không có gì liên quan với nhau.

* Ngày 22/12/2017 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh, chị được địa phương cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T là hai người cùng địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương vào ngày 19/11/2007. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị T về ngay gia đình anh T làm ăn chung sống. Theo địa phương được biết thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng mấy năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị T ham chơi không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng

đến khoảng cuối năm 2010 chị T bỏ gia đình anh T về gia đình nhà bố, mẹ đẻ làm ăn sinh sống, đến năm 2016 thì chị T bị Công an huyện K bắt giữ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh T. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về ruộng canh tác: Giữa anh T và chị T không có gì liên quan với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh T giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để anh sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh. Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn anh xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Anh tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008 cho anh T được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung anh T không được ngăn cản.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

**Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T là hai người cùng địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 19/11/2007. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T là do vợ chồng không hợp nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó chị T thường xuyên chơi bời không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình, mặc dù anh T và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng đến khoảng tháng 12/2010 thì chị T bỏ gia đình anh T về gia đình nhà bố mẹ đẻ làm ăn sinh sống và hiện chị T đang phải đi tập chung cải tạo do vi phạm pháp luật, vợ chồng đã sống li thân và xa cách nhau quá lâu. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được li hôn với chị T để anh sớm được ổn định cuộc sống. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị T cũng có quan điểm nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Sau khi anh T có đơn xin ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và thông báo cho chị T biết đồng thời ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tiến hành các hoạt động tố tụng để xác định quan điểm của chị T. Chị T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và bày tỏ quan điểm nhất trí đối với các yêu cầu của anh T. Nhưng do chị T đang phải đi tập trung cải tạo nên chị đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Anh T có quan điểm xác định chị T không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án để mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được, anh đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án mà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được, nhưng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đối với anh T, sau đó Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị đã phát sinh và kéo dài. Cả hai anh, chị đều thống nhất xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Thể hiện mâu thuẫn giữa hai anh, chị đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần thiết giải quyết cho anh, chị được ly hôn để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

**Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh T và do anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay. Quan điểm của anh T nếu vợ chồng li hôn anh xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Quan điểm của chị T cũng nhất trí với quan điểm của anh T vì hoàn cảnh của chị hiện nay đang phải đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung được, khi nào chị chấp hành xong hình phạt tù thì chị xin được nuôi con. Mặt khác quan điểm của anh chị cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu H xin được tiếp tục ở cùng với bố. Do vậy cần giao cháu H cho anh T được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến tuổi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là phù hợp.

Sau này chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau li hôn sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

**Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác:* Cả hai anh chị đều tự nguyện không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần được ghi nhận.

**Án phí:* Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm theo qui định tại. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Lê Văn T được li hôn chị Nguyễn Thị T.

** Con chung:* Giao cho anh T được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Lê Huy H, sinh ngày 17/6/2008 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, chị T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung anh T không được ngăn cản.

** Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác:* Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Án phí:* Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 007229 ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm li hôn.

** Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Lũng

